



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND tỉnh Phú Thọ xuất bản

Số 11

Ngày 15 tháng 6 năm 2007

MỤC LỤC

Ngày ban hành

Trích yếu nội dung

Trang

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

31-5-2007	Nghị quyết số 97/2007/ NQ-HĐND về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ đến năm 2020.	3
31-5-2007	Nghị quyết số 98/2007/NQ-HĐND về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (giai đoạn 2006 - 2010) tỉnh Phú Thọ.	15
31-5-2007	Nghị quyết số 99/2007/ NQ-HĐND về Kế hoạch các chương trình mục tiêu giai đoạn 2006 - 2010 tỉnh Phú Thọ.	24
31-5-2007	Nghị quyết số 100/2007/NQ-HĐND về Chương trình giảm nghèo tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2006 - 2010.	30
31-5-2007	Nghị quyết số 101/2007/ NQ-HĐND về Chương trình huy động nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội giai đoạn 2006 - 2010.	37

31-5-2007	Nghị quyết số 102/2007/ NQ-HĐND về Quy hoạch tổng thể phát triển các khu, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020.	45
31-5-2007	Nghị quyết số 103/2007/NQ-HĐND về Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hoá và Hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2006-2010, định hướng đến 2015.	51
31-5-2007	Nghị quyết số 104/2007/NQ-HĐND-KXVI sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động của Thường trực HĐND, các Ban và Thư ký kỳ họp HĐND tỉnh Phú Thọ khoá XVI, nhiệm kỳ 2004-2009.	57
31-5-2007	Nghị quyết số 105/2007/NQ-HĐND về việc cho ông Triệu Văn Đạt thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh vì lý do chuyển công tác.	62
31-5-2007	Nghị quyết số 106/2007/NQ-HĐND về việc cho ông Nguyễn Ngọc Liên thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh vì lý do chuyển công tác.	63
31-5-2007	Nghị quyết số 107/2007/NQ-HĐND về việc cho ông Nguyễn Văn Sản thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh vì lý do chuyển công tác.	64
31-5-2007	Nghị quyết số 108/2007/NQ-HĐND về việc cho ông Nguyễn Hữu Điền thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh vì lý do nghỉ chế độ.	65
31-5-2007	Nghị quyết số 109/2007/NQ-HĐND về việc bãi nhiệm hội thẩm Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ đối với ông Đinh Tuấn Đạt.	66

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 97/2007/NQ-HĐND

Việt Trì, ngày 31 tháng 5 năm 2007

NGHỊ QUYẾT
Về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
tỉnh Phú Thọ đến năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; Nghị định 99/2006/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;

Sau khi xem xét Tờ trình số 994/TTr-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của UBND tỉnh về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ đến năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Tán thành thông qua Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ đến năm 2020. Hội đồng nhân dân tỉnh nhấn mạnh một số nội dung sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2005

Sau khi tỉnh Phú Thọ được tái lập (01/1997), UBND tỉnh đã tiến hành xây dựng Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020 và tổ chức triển khai thực hiện. Việc sớm thông qua Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã tạo cơ sở pháp lý cho các cấp, các ngành nghiên cứu xây dựng các quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2005, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm. Qua 10 năm triển khai thực hiện, hầu hết các mục tiêu quy hoạch 1998 đề ra trong giai đoạn 2000 - 2005 đã được triển khai có hiệu quả, đúng hướng, nhất là việc triển khai có hiệu quả 4 trọng điểm đã xác định là: Quản lý, sử dụng quỹ đất để phát triển nông lâm nghiệp; phát triển sản xuất công nghiệp, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

Về phát triển kinh tế - xã hội: Thành tựu nổi bật về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh là đã đảm bảo an ninh lương thực tại chỗ, sản lượng lương thực đạt 430 ngàn tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 324,8 kg; bước đầu hình thành một số vùng sản xuất tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa (vùng trồng cây ăn quả, vùng chè...). Trong công nghiệp, các ngành có lợi thế như: Giấy bìa, hoá chất, phân bón, vật liệu xây dựng, dệt may... tiếp tục ổn định và phát triển, với sự tham gia của các thành phần kinh tế; các ngành nghề truyền thống (trạm khắc gỗ, mây tre đan) được khôi phục. Các ngành dịch vụ hoạt động có chuyển biến và hiệu quả hơn; dịch vụ vận tải tăng nhanh, bưu chính viễn thông phát triển nhanh theo hướng hiện đại; các ngành Tài chính, Ngân hàng, Bảo hiểm v.v... đều có bước phát triển. Dịch vụ du lịch bước đầu được chú trọng, đến nay đã cơ bản hình thành một số khu, điểm du lịch lễ hội, du lịch sinh thái như: Khu di tích lịch sử Đền Hùng, Vườn quốc gia Xuân Sơn, Khu nước khoáng nóng Thanh Thủy, thu hút sự quan tâm của khách du lịch trong và ngoài nước.

Huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển đạt kết quả khá, đến nay đã hình thành cơ bản các kết cấu hạ tầng thiết yếu, tương đối đồng bộ về giao thông, thuỷ lợi, điện, hạ tầng dịch vụ, văn hoá - xã hội. Hoạt động kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế đạt kết quả tích cực, hết năm 2005 đã thu hút được 56 dự án, vốn đăng ký trên 440 triệu USD. Hoạt động xuất nhập khẩu có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng; giá trị xuất khẩu năm 2005 đạt 116,6 triệu USD, tăng 48,6% so với năm 2000. Quan hệ sản xuất tiếp tục được củng cố và phát triển; các loại hình doanh nghiệp tư nhân tiếp tục tăng nhanh cả về số lượng và quy mô, hiện có trên 1.400 doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, vốn đăng ký 2.500 tỷ đồng. Khu vực kinh tế tập thể, kinh tế trang trại tiếp tục được củng cố và tạo điều kiện phát triển.

Các lĩnh vực xã hội tiếp tục có nhiều chuyển biến: Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá thông tin, thể thao, hoạt động báo chí xuất bản, văn học nghệ thuật có những tiến bộ vượt bậc, đã phát huy tác dụng nâng cao trình độ nhận thức, mức hưởng thụ văn hoá, tinh thần trong nhân dân. Công tác đào tạo nghề trong các cơ sở dạy nghề được mở rộng; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 29%; tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi ở khu vực thành thị 3,4%, thời gian sử dụng lao động nông thôn đạt 80%; giải quyết việc làm cho trên 74,14 nghìn người, xuất khẩu lao động trên 11 nghìn người. Công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân, khám chữa bệnh cho người nghèo, cho trẻ em được chú trọng. Công tác phòng chống HIV/AIDS triển khai khá đồng bộ và có hiệu quả. Công tác dân số, gia đình và trẻ em tiếp tục có chuyển biến. Đời sống dân cư tiếp tục được cải thiện, GDP bình quân đầu người năm 2005 đạt 5,25 triệu đồng, tăng 1,65 lần so năm 2000. Các nhu cầu ăn, mặc, ở, đi lại, học hành của nhân dân được cải thiện đáng kể, số hộ nông dân có nhà kiên cố và phương tiện sinh hoạt hiện đại tăng lên.

Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế - xã hội của Phú Thọ vẫn còn bộc lộ tồn tại, hạn chế đó là:

- *Kinh tế của tỉnh phát triển chưa vững chắc, hiệu quả chưa cao; chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế còn chậm; tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đối với tăng hiệu quả kinh tế - xã hội chưa rõ nét; chất lượng, hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp chưa cao, việc gắn kết giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm còn nhiều hạn chế.*

Công nghiệp phát triển chưa vững chắc, doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng nhanh nhưng chủ yếu quy mô nhỏ, chưa tạo ra sản phẩm hàng hoá có thương hiệu và tạo nguồn thu lớn cho ngân sách. Khai thác và phát huy tiềm năng, thế mạnh của du lịch và các ngành dịch vụ còn yếu. Thu hút đầu tư và hiệu quả đầu tư trong một số ngành, lĩnh vực còn thấp, nguồn thu từ nội địa tăng chậm, chưa có tích lũy cho đầu tư phát triển; cân đối thu chi ngân sách trên địa bàn vẫn khó khăn.

- *Chất lượng hoạt động một số lĩnh vực văn hoá - xã hội chưa được nâng cao, cơ cấu, chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức chưa theo kịp với yêu cầu đổi mới. Công tác xã hội hoá trong các lĩnh vực xã hội chuyển biến chậm; chuyển dịch cơ cấu lao động chưa mạnh, trình độ của người lao động nhìn chung còn thấp. Chênh lệch về mức sống, y tế, giáo dục, văn hoá giữa các vùng còn lớn. Các tệ nạn xã hội như cờ bạc, ma tuý vẫn là vấn đề bức xúc; đấu tranh chống các hủ tục mê tín, dị đoan, tệ nạn xã hội chuyển biến chậm, ý thức chấp hành giao thông trong nhân dân chưa cao.*

II. QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH PHÚ THỌ ĐẾN NĂM 2020

1. Quan điểm phát triển

a) Đảm bảo nguyên tắc phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước, của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, phù hợp với bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Đảm bảo mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, đặc biệt là giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo, kết hợp giữa phát triển kinh tế với đảm bảo an ninh, quốc phòng, củng cố hệ thống chính trị và nền hành chính vững mạnh.

b) Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; trên cơ sở phát huy các lợi thế của tỉnh và phát triển thị trường. Huy động tối đa nội lực, gắn với thu hút mạnh nguồn lực bên ngoài, nhất là vốn đầu tư và khoa học công nghệ; khuyến khích phát triển mọi thành phần kinh tế.

c) Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và bảo vệ di sản văn hoá, đảm bảo phát triển bền vững, giữ gìn cảnh quan thiên nhiên và di sản văn hoá.

d) Đẩy mạnh tốc độ đô thị hoá, đi đôi với nâng cao chất lượng cuộc sống đô thị. Kết hợp giữa phát triển đô thị như một trung tâm phát triển với phát triển nông nghiệp, nông thôn, giảm dần sự chênh lệch về phát triển giữa các vùng trong tỉnh.

g) Coi trọng chiến lược phát triển con người, nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, nhất là đồng bào vùng núi và các đối tượng chính sách.

2. Mục tiêu phát triển

a) **Mục tiêu tổng quát:** Xây dựng Phú Thọ trở thành trung tâm kinh tế vùng; là một trong những trung tâm khoa học, công nghệ; Giáo dục - đào tạo, Y tế, Văn hóa, Thể thao, Du lịch của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ; là đầu mối giao thông quan

trọng nội vùng và là thành phố lễ hội về nguồn của dân tộc Việt Nam. Đồng thời là địa bàn trọng điểm chiến lược về quốc phòng, an ninh của vùng cũng như của cả nước.

Phấn đấu đến năm 2010 cơ bản ra khỏi tình nghèo và năm 2020 đạt được các tiêu chí của tỉnh công nghiệp và là một trong những tỉnh phát triển thuộc nhóm hàng đầu của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Các chỉ tiêu về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 12,1% - 12,4%/năm thời kỳ 2006 - 2010; 11,7% thời kỳ 2011 - 2015 và 11,5%/năm thời kỳ 2016 - 2020; GDP bình quân đầu người đạt 840 - 850 USD vào năm 2010; 1.600 - 1.650 USD vào năm 2015 và đạt 3.000 - 3.050 USD vào năm 2020 (giá thực tế);

+ Cơ cấu kinh tế chuyển đổi theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Giai đoạn 2006 - 2010, cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp xây dựng là 45 - 46%, dịch vụ 35 - 36%, nông lâm nghiệp 19 - 20%; giai đoạn 2011 - 2020 cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp - xây dựng là 50 - 51%, dịch vụ 40 - 41%, nông lâm nghiệp 9 - 10%;

+ Thu ngân sách đến năm 2010 chiếm tỷ trọng 11,5 - 12% GDP và đạt 17 - 18% GDP vào năm 2020; kim ngạch xuất khẩu năm 2010 đạt 300 - 320 triệu USD và đạt 500 - 520 triệu USD vào năm 2020;

+ Huy động vốn đầu tư toàn xã hội cả thời kỳ 2006 - 2020 đạt 124 - 125 nghìn tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2006 - 2010 đạt 28 - 29 nghìn tỷ đồng; giai đoạn 2011 - 2015 đạt 35 - 36 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2006 - 2020 đạt 60 - 61 nghìn tỷ đồng.

- Các chỉ tiêu về xã hội:

+ Duy trì kết quả phổ cập trung học cơ sở; hoàn thành phổ cập giáo dục bậc trung học vào năm 2015; nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, văn hóa thể thao và giá trị văn hóa tinh thần của nhân dân;

+ Đến năm 2010 có 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; có 7 Bác sỹ và 22,3 giường bệnh/1 vạn dân; năm 2015 có 9 Bác sỹ và 28 giường bệnh/1 vạn dân và đến năm 2020 có 11 Bác sỹ và 30 giường bệnh/1 vạn dân; thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân;

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40% vào năm 2010 và 70- 75% vào năm 2020; giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 10% vào năm 2010 và dưới 5% vào năm 2020.

- Các chỉ tiêu về môi trường:

+ Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 48,6% năm 2010 và trên 55% năm 2020;

+ Từ nay đến năm 2010 có 100% cơ sở sản xuất mới xây dựng áp dụng công nghệ sạch hoặc trang thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải; trên 50% số huyện, thành, thị xử lý, chế biến được rác thải; 100% bệnh viện được xử lý chất thải nguy hại; tỷ lệ hộ được dùng nước sạch sinh hoạt đạt 85%;

+ Đến năm 2020 có 100% dân số được dùng nước sinh hoạt, trong đó trên 90% được cấp nước sạch; 100% số hộ nông dân có công trình vệ sinh hợp quy cách.

3. Định hướng phát triển trọng điểm, phát triển ngành và lĩnh vực

a) Phương hướng phát triển 4 trọng điểm chủ yếu:

- *Trọng điểm thứ nhất:* Đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch và nâng cao chất lượng cơ cấu trong công nghiệp bằng phát triển các ngành chủ lực như: Phát triển mạnh các ngành có lợi thế về tài nguyên; phát triển nhanh công nghiệp cơ khí, điện tử, công nghiệp phụ trợ gắn với khu công nghiệp; công nghiệp hàng tiêu dùng; đẩy nhanh tốc độ xây dựng khu công nghiệp tập trung, hình thành các khu công nghiệp mới, các cụm công nghiệp vừa và nhỏ, phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

- *Trọng điểm thứ hai:* Phát triển dịch vụ và du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, tập trung phát triển một số ngành dịch vụ chất lượng cao như: Tài chính, Ngân hàng, Viễn thông, Công nghệ thông tin, thị trường bất động sản...;

- *Trọng điểm thứ ba:* Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, ưu tiên phát triển vùng kinh tế Việt Trì - Lâm Thao - Phù Ninh - thị xã Phú Thọ và các khu, cụm công nghiệp. Hoàn thành việc xây dựng các dự án trọng điểm về giao thông (đường cao tốc Hà Nội - Việt Trì - Lào Cai, đường Hồ Chí Minh, cầu Đức Bác, cầu Ngọc Tháp...).

- *Trọng điểm thứ tư:* Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực và xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ. Phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo đại học, cao đẳng và dạy nghề của tỉnh đạt trình độ quốc gia và quốc tế.

b) Định hướng phát triển ngành và lĩnh vực.**- Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:**

+ Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các khu công nghiệp để thu hút các dự án vào các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, có lợi thế cạnh tranh và có vai trò đột phá trong phát triển kinh tế của tỉnh như: Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy, điện tử, cơ khí, sản xuất xi măng, rượu, bia, khai thác chế biến khoáng sản, chế biến nông sản, thực phẩm...;

+ Thực hiện đổi mới công nghệ, đổi mới quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phấn đấu có nhiều sản phẩm có thương hiệu, đảm bảo tồn tại và phát triển trong cạnh tranh, hội nhập quốc tế. Tập trung phát triển tiểu thủ công nghiệp, gắn với công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn. Phát triển và khôi phục các làng nghề truyền thống, thủ công mỹ nghệ.

Phấn đấu giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng bình quân cả thời kỳ 2006 - 2020 tăng 13 - 14%, trong đó giai đoạn 2006 - 2010 tăng 14 - 15%; giai đoạn 2011 - 2015 tăng 12,5 - 13%, giai đoạn 2016 - 2020 tăng 13%. Các sản phẩm chủ yếu đến năm 2020: Xi măng 6 triệu tấn, gạch ceramic 13 - 14 triệu m², giấy 1.500 nghìn tấn, bia các loại 100 - 120 triệu lít, vải thành phẩm 220 - 230 triệu m², may mặc 40 - 41 triệu sản phẩm v.v...

- Phát triển các ngành dịch vụ:

+ Phát triển đồng bộ và nâng cao chất lượng các hoạt động các ngành dịch vụ đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế như: Vận tải, Du lịch, Bảo hiểm, Dịch vụ viễn thông, Ngân hàng, Bảo hiểm, Dịch vụ việc làm; các dịch vụ mới có hàm lượng trí tuệ cao, dịch vụ phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp và đời sống nhân dân.